

KHẢO CỔ HỌC

với công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hoá

TS. VŨ QUỐC HIỀN*

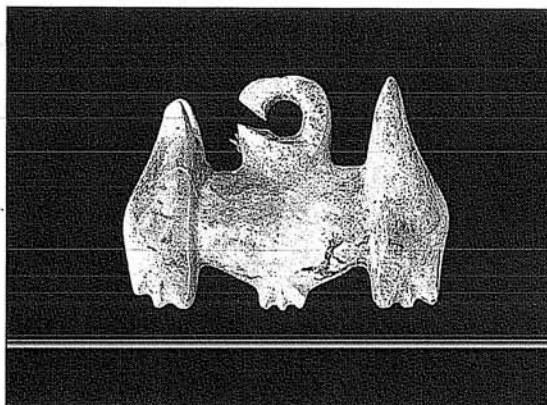
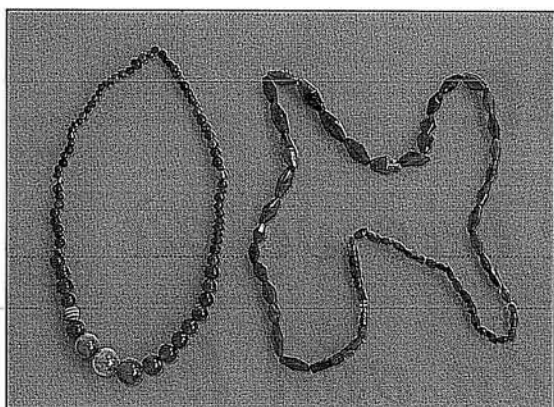
1 - Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, một bộ phận của di sản văn hoá thế giới, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc và ngày càng có vai trò to lớn trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Việc bảo vệ và phát huy di sản văn hoá ở Việt Nam là nhiệm vụ của toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp. Khảo cổ học, với đặc thù là ngành nghiên cứu gắn liền với di sản văn hoá, luôn giữ một vị trí quan trọng.

Di sản văn hoá tồn tại chủ yếu dưới hai hình thái không thể tách rời: Vật thể và phi vật thể, được hình thành từ khi có sự sinh sống, hoạt động của con người trên đất nước ta cho đến ngày nay. Tiến trình dài lâu này ở Việt Nam ước tính tới vài chục vạn năm. Trải qua thời gian, cùng bao biến cố của thiên nhiên, xã hội, kho báu di sản phần bị chôn vùi trong lòng đất, phần bị quên lãng. Với phương pháp truyền thống: Điền dã, khai quật kết hợp với phương

pháp liên ngành, khảo cổ học luôn tiên phong trong việc phát hiện và khơi nguồn di sản.

Các di tích tối cổ trước thời đại đá cũ được các nhà khảo cổ phát hiện tại nhiều nơi như Núi Đọ (Thanh Hoá), Sơn Vi (Phú Thọ), Xuân Lộc (Đồng Nai) v.v... đã chứng minh sự có mặt từ rất sớm của con người trên đất nước Việt Nam. Các nền văn hoá khảo cổ thời đại đá mới thuộc vùng núi đá vôi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam như Hoà Bình, Bắc Sơn, nổi tiếng với sự xuất hiện nền nông nghiệp sơ khai (trồng rau, củ), cách ngày nay trên dưới một vạn năm, thuộc loại sớm trên thế giới, cũng đã được khảo cổ học làm rõ. Kết quả khảo cổ còn cho biết các nhóm cư dân cổ đã có mặt chiếm lĩnh, khai thác nguồn lợi thuỷ sản vùng ven biển Việt Nam từ khá sớm, khoảng 5.000 - 6.000 năm cách ngày nay. Nhiều văn hoá khảo cổ thuộc thời đại đá mới vùng ven biển: Soi Nhụ - Hạ Long (Quảng Ninh), Cái Bèo (Hải Phòng), Đa

*PHÓ GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM



Một số hiện vật khảo cổ - Ảnh: C.T.V

Bút (Nghệ An), Thạch Lạc (Hà Tĩnh), Bàu Dũ (Quảng Nam) v.v..., là những minh chứng cụ thể.

Chủ nhân văn hoá Phùng Nguyên (Phú Thọ) là những nhóm cư dân đầu tiên chiếm lĩnh, khai phá vùng châu thổ Bắc Bộ, cách ngày nay khoảng 4000 năm. Họ có thể là những người đầu tiên "khai sơn phá thạch, mở lối đắp đường, dựng làng lập xóm" ở châu thổ Bắc Bộ Việt Nam, nơi được coi là cái nôi của các nền văn minh truyền thống Việt Nam. Dựa trên kinh tế nông nghiệp lúa nước và các nghề thủ công như làm gốm, luyện kim..., cư dân văn hoá Đông Đậu, Gò Mun đã kế thừa văn hoá Phùng Nguyên, tiếp tục phát triển làm chủ vùng châu thổ Bắc Bộ và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực luyện kim, tạo tiền đề cho đỉnh cao văn hoá Đông Sơn ra đời và toả sáng.

Chủ nhân văn hoá Đông Sơn đã chiếm lĩnh và làm chủ mọi địa hình ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam, từ vùng rừng núi, trung du, đồng bằng đến vùng ven biển và hải đảo, tạo nên sự

đa dạng trong thống nhất của nền văn hoá này. Văn hoá Đông Sơn chính là cơ tầng vững chắc cho sự hình thành Nhà nước Văn Lang, một trong những quốc gia cổ đại đầu tiên ra đời tại khu vực Đông Nam Á. Di sản mà văn hoá Đông Sơn để lại cho chúng ta hôm nay là vô cùng to lớn. Khối di vật đồ sộ: Trống đồng, thạp đồng, vũ khí, công cụ bằng đồng, đồ gốm, mộ thuyền v.v... luôn được coi là bảo vật quốc gia. Truyền thống Đông Sơn đã tạo một sức sống mãnh liệt, giúp dân tộc ta vượt qua đêm trường ngàn năm Bắc thuộc.

Cùng với văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh ở Miền Trung, văn hoá Óc Eo ở Miền Nam cũng là những văn hoá khảo cổ nổi tiếng. Các văn hoá này đều phát triển trên cơ sở văn hoá nội tại kết hợp với những dòng văn hoá mới của thời đại: Trung Hoa, Ấn Độ, thông qua giao thương và giao lưu văn hoá, để trở thành những văn hoá đỉnh cao, có sức lan toả rộng trong khu vực Đông Nam Á.

Di sản mà tổ tiên để lại trên đất nước ta thời Tiên - Sơ sử phổ biến nhất là các di tích cư trú

và mộ táng đã bị chôn vùi trong lòng đất. Thời kỳ này dân tộc ta chưa có chữ viết, ký ức truyền lại cho các thế hệ sau dưới dạng tư liệu truyền miệng: Cổ tích, huyền thoại, truyền thuyết v.v... chỉ có thể trở thành nguồn tư liệu phụ trợ. Với phương pháp đặc thù là khai quật, khảo cổ học là ngành duy nhất có khả năng thu thập một cách khoa học những di tích, di vật của thời kỳ này, sử dụng nó như nguồn sử liệu chính trong nghiên cứu khôi phục lại mọi mặt đời sống hoạt động của các nhóm cư dân cổ trên đất Việt Nam.

Bước sang những giai đoạn sau, ngoài các dạng di tích phổ biến ở giai đoạn trước, còn có thêm các loại hình di tích: Thành, đền, chùa, tháp, lò gốm cổ, lò luyện kim cổ v.v... Đặc điểm của loại di tích này là chúng thường nằm trên mặt đất và có sự biến đổi theo thời gian. Một số di tích quan trọng đã được các sử gia của nhiều thời ghi chép trong các thư tịch, bị ký cổ, còn đa phần vẫn được lưu lại trong ký ức của nhân dân địa phương dưới nhiều hình thức như: Tên địa danh cổ, truyền thuyết v.v..., giúp việc tiếp cận nghiên cứu đỡ khó khăn hơn so với việc nghiên cứu các di tích giai đoạn trước. Các di tích giai đoạn này không chỉ là đối tượng nghiên cứu của khảo cổ học, mà trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác thuộc khoa học xã hội nhân văn và cả khoa học tự nhiên. Với phương pháp liên ngành, khảo cổ học đã đem lại nhiều nguồn tài liệu xác thực, có độ tin cậy cao, không chỉ giúp nghiên cứu bản thân di tích, mà qua đó, còn góp phần nghiên cứu, khôi phục mọi mặt đời sống xã hội trong lịch sử.

Di tích khảo cổ học dù bị chôn vùi trong lòng đất hay nằm trên mặt đất đều là di sản văn hoá được hình thành và tồn tại cùng tiến trình lịch sử dân tộc. Nghiên cứu khảo cổ đồng nghĩa với việc phát hiện và khai thác kho báu di sản văn hoá để khôi phục mọi mặt đời sống loài người trong lịch sử. Như đã trình bày, kết quả nghiên cứu khảo cổ ở Việt Nam đến hôm nay đã khẳng định bề dày, tính liên tục của lịch sử, cội nguồn văn hoá dân tộc từ thời đại đá cũ đến ngày nay. Từ việc nghiên cứu các di tích khảo cổ trên địa bàn cả nước đã cho thấy sự phong phú, đa dạng văn hoá đã tồn tại từ rất sớm. Tác động lịch sử của hai động thái văn hoá chủ yếu là dựng nước và giữ nước đã gắn kết các tộc

người sinh sống trên đất nước Việt Nam. Cùng với tiến trình lịch sử dân tộc, văn hoá Việt Nam được kết tinh thống nhất trong sự đa dạng, mang sắc thái riêng và có sức sống mãnh liệt.

2 - Các di tích lịch sử, văn hoá ở nước ta có lịch sử ra đời từ rất sớm, phát triển liên tục và đa dạng qua các triều đại. Chúng được xây dựng bằng sự kết hợp nhiều loại chất liệu khác nhau, cả vô cơ và hữu cơ: Gạch, đá, gỗ, tre, nứa, lá v.v... Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, tuổi thọ của các di tích lịch sử, văn hoá thường không cao. Các cuộc chiến tranh xâm lược, những biến động chính trị, xã hội lớn trong lịch sử cũng là những tác nhân xấu đối với các di tích lịch sử, văn hoá. Cũng từ rất sớm, việc bảo vệ, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử văn hoá được các triều đại phong kiến, đặc biệt là mọi tầng lớp nhân dân quan tâm và trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực trạng di tích lịch sử văn hoá luôn là một tiêu chí đánh giá sự thịnh, suy của các triều đại.

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở nước ta thực sự được đẩy mạnh từ khi đất nước ta bước sang thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ khi triển khai Chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích mà Chính phủ cho phép ngành Văn hoá - Thông tin thực hiện từ năm 1994. Đây là việc làm mang nhiều ý nghĩa, hợp lòng dân, tiếp nối truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Công việc tu bổ, tôn tạo di tích thời kỳ trước phụ thuộc chủ yếu vào tay nghề, kinh nghiệm của các hiệp thợ. Ngày nay, công tác tu bổ, tôn tạo di tích được thực hiện khá bài bản theo một quy trình khoa học phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và những nguyên tắc của các công ước quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích. Trong bối cảnh đó, khảo cổ học đã nhập cuộc,

Chủ trương khảo cổ học phải đi trước một bước trong công tác trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá của Bộ Văn hoá - Thông tin được xuất phát từ thực tiễn. Thời kỳ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, các dự án trùng tu, tôn tạo di tích mới chỉ dừng ở mức quan tâm tới những hạng mục kiến trúc chủ yếu trong khu vực di tích. Dần dần, nhận thức về yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá được đặt ra toàn diện hơn, bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể, tổng thể di tích, cảnh quan môi trường kết hợp với kết cấu cơ sở hạ tầng, các công trình phát triển kinh tế xã hội ở trong và xung

quanh khu vực di tích. Trước yêu cầu đó, một số dự án đã gặp lúng túng do công tác khảo sát hiện trạng sơ sài, nên phải duyệt bổ sung hạng mục, không những gây lãng phí thời gian, tiền của, mà còn ảnh hưởng tới giá trị di tích.

Chỉ có thể thực hiện tốt công tác trùng tu, tôn tạo, phục hồi di tích khi có sự chuẩn bị công phu, nghiêm túc, khoa học ngay từ bước nghiên cứu lập dự án. Muốn có một dự án tốt cần có nhiều thông tin từ nhiều nguồn. Những thông tin có được từ tư liệu thành văn trong thư tịch cổ, tài liệu nghiên cứu qua các thời, sơ đồ, bản đồ và phim ảnh cổ v.v... là rất cần thiết và quan trọng, nhưng không thể đầy đủ, chưa kể tới độ tin cậy của các nguồn tư liệu kể trên.

Một đặc điểm cần chú ý là, rất hiếm di tích lịch sử, văn hoá ở nước ta thuần nhất một mặt bằng kiến trúc, mà thường có sự diễn biến của nhiều mặt bằng tương ứng các lần trùng tu, xây dựng, mở rộng hay thu hẹp di tích qua nhiều triều đại, thậm chí ở ngay trong một triều đại. Các mặt bằng này có thể chồng xếp lên nhau và cũng có thể cắt phá lẫn nhau... Nhận thức đúng về diễn biến đó chỉ có thể hình thành trên cơ sở tư liệu thu được qua thăm dò, khai quật khảo cổ học và chắc chắn không thể thiếu trong một dự án trùng tu, tôn tạo di tích thực sự khoa học. Kết quả thu được qua thăm dò, khai quật khảo cổ học còn cung cấp cho các nhà trùng tu nhiều tư liệu quan trọng khác như: Các vật liệu tham gia kiến trúc, các mảng hoặc chi tiết trang trí kiến trúc, các thủ pháp kỹ thuật gia cố nền móng, thành phần các chất kết dính vật liệu kiến trúc, công năng của các công trình trong tổng thể khu di tích v.v... Những thông tin trên, cùng các nguồn tư liệu khác, là rất cần thiết và quan trọng, giúp các nhà thiết kế nghiên cứu phục dựng công trình khi có đủ cơ sở khoa học. Dù cố gắng đến mấy, khảo cổ học cũng chỉ cung cấp được những tư liệu mà lòng đất còn lưu giữ, các tư liệu đó dù rất quan trọng và quý giá nhưng cũng không thể đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định khi phục hồi một di tích. Điều này đòi hỏi các nhà thiết kế cần khai thác các nguồn tư liệu tổng hợp theo những nguyên tắc mà các công ước quốc tế về bảo tồn và trùng tu qui định, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Đĩ nhiên, các cuộc thăm dò, khai quật khảo cổ học dù được thực hiện trong khuôn khổ của

Vũ Quốc Hiền: Khảo cổ học với công tác bảo vệ và phát...

dự án trùng tu, tôn tạo di tích vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình, nguyên tắc khoa học của khảo cổ học. Tất cả hiện vật, vết tích của quá khứ đều được thu lượm và nghiên cứu kỹ lưỡng nhằm khôi phục lại mọi mặt đời sống của chủ nhân di tích, qua đó đóng góp những nguồn tư liệu mới, giúp cho việc nghiên cứu toàn diện thời kỳ di tích tồn tại.

Những kết quả mà khảo cổ học đem lại qua nhiều năm khảo sát, thăm dò và khai quật phục vụ công tác trùng tu, tôn tạo tại Khu di tích Lam Kinh (Thanh Hoá) và Quần thể di tích Cố đô Huế (Thừa Thiên - Huế) đã minh chứng cho điều đó!

3 - Di tích khảo cổ là di sản văn hoá đã được pháp luật bảo vệ bằng những điều khoản cụ thể trong Luật di sản văn hoá. Ngành Văn hoá - Thông tin, đi đầu là Cục Di sản văn hoá, bằng nhiều hình thức đã tuyên truyền, giới thiệu Luật di sản văn hoá tới các cấp, các ngành và quảng đại công chúng và đã đạt được những kết quả bước đầu. Cơ bản tình trạng đào bới trái phép một cách ào ạt, công khai các di tích khảo cổ để tìm đồ cổ như ở giai đoạn trước đã được chấm dứt.

Ở những công trình xây dựng quy mô lớn như Thủy điện laly, Sơn La v.v..., các di tích khảo cổ đã được cứu vãn bằng các dự án khai quật khẩn cấp v.v... Nhưng ở những công trình xây dựng quy mô vừa và nhỏ, đang nở rộ ở khắp các vùng miền trên cả nước, số phận của các di tích khảo cổ là khá mong manh, nhạy cảm, phụ thuộc chủ yếu vào ý thức tự giác của các chủ đầu tư và các nhà xây dựng.

Từ nhận thức và thực tiễn trên đây, chúng tôi muốn được lưu ý rằng: Không chỉ việc đẩy mạnh các hoạt động khảo cổ phục vụ công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, mà ngay cả việc bảo vệ di tích khảo cổ nói riêng, di sản văn hoá nói chung, cũng chỉ được làm tốt khi tất cả mọi người trong xã hội coi đó như là một nghĩa vụ tinh thần thiêng liêng./.

V.Q.H

Chú thích:

1 - Xem thêm:

- Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Văn Đoàn: "Khu di tích Lam Kinh qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học", *Tạp chí Di sản văn hoá* số 10/2005.

- *Kỷ yếu hội thảo Khảo cổ học và Bảo tồn di tích, Huế* tháng 10/2005.